

Bản án số: 15/2022/KDTM-PT

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2022/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P.

Địa chỉ: Số 125B, đường C, Phường 5, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tấn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T1 – Chuyên viên phòng kế toán, tài chính (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2021); (*Có mặt*).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần V.

Địa chỉ: 45, đường B, phường T2, thành phố T3, tỉnh T3.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T4; Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số nhà 26, đường L, phường Đ, thành phố T3, tỉnh T3 (Giấy ủy quyền ngày 04/9/2022); (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Trần Hữu T1 trình bày:

Ngày 08/5/2014, Nhà máy Super P, địa chỉ khu Công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đ – Chi nhánh Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần V đã ký kết hợp đồng mua bán phân bón số 81-3/HĐMB. Theo hợp đồng trên, các bên đã thực hiện mua bán phân và Công ty Cổ phần P đã giao hàng, xuất cho bên Công ty Cổ phần V các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền mua hàng là 5.569.500.000đ. Tính đến ngày 30/9/2020, Công ty cổ phần V đã thanh toán 5.329.500.000đ, kể từ đó không thanh toán được nữa.

Theo các biên bản đối chiếu công nợ, tính đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần V còn nợ Công ty Cổ phần P số tiền 240.000.000đ. Công ty Cổ phần V không trả nên Công ty Cổ phần P đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Long Thành, yêu cầu Công ty Cổ phần V phải thanh toán số tiền nợ gốc là 240.000.000đ, tiền lãi nợ quá hạn tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 28/02/2021 là 191.822.400đ.

Theo giấy báo của Ngân hàng thì ngày 21/12/2021, Công ty Cổ phần V đã chuyển khoản 240.000.000đ nên Công ty Cổ phần P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc, đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần V trả số tiền lãi là 191.822.400đ.

- Tại các văn bản gửi qua đường bưu điện, bị đơn Công ty cổ phần V trình bày:

Từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2014, Công ty Cổ phần V đã ký hợp đồng tiêu thụ phân bón với Nhà máy super P 6.000 tấn phân bón, tổng giá trị là 14.637.000.000đ. Đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần V còn nợ lại là 2.240.000.000đ và đến năm 2020 công nợ chỉ còn lại 240.000.000đ. Vào thời điểm đó, ông Lê Bá T5 làm Giám đốc công ty, ông Nguyễn Đình M là Trưởng phòng kinh doanh đem hàng đi bán không nộp tiền về công ty, đã nợ gần 8 tỷ đồng vì vậy công ty gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

Để có điều kiện giải quyết nhanh và dứt điểm công nợ, trong các buổi làm việc và văn bản gửi Công ty Cổ phần P, Công ty Cổ phần V đều đề xuất được

tiếp tục tiêu thụ sản phẩm hoặc chia sẻ giảm một phần công nợ còn lại nhưng đều không được Công ty Cổ phần P đáp ứng và không có văn bản trả lời. Từ năm 2020 tới nay do dịch bệnh Covid 19 kéo dài, việc đi lại bị hạn chế, gặp khó khăn, mặc dù được các cơ quan pháp luật can thiệp nhưng Công ty Cổ phần V vẫn không thu được khoản nợ xấu để có điều kiện trả nợ.

Tuy vậy, xét thấy Công ty Cổ phần P không có thiện chí hợp tác, không tôn trọng khách hàng và không chia sẻ nên Công ty Cổ phần V sẽ thanh toán số nợ 240.000.000đ trước ngày 31/12/2021. Số tiền lãi 191.822.400đ không hiểu Công ty Cổ phần P lấy cơ sở nào để tính toán ra được số lãi đó. Đề xuất không xem xét đến vấn đề tính lãi.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 203, Điều 220, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P đối với Công ty Cổ phần V.

Buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho Công ty Cổ phần P số tiền lãi của số tiền 240.000.000đ từ ngày 01/7/2014 đến ngày 28/02/2021 là 191.822.400đ (một trăm chín mươi một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P đối với Công ty Cổ phần V về việc thanh toán số tiền nợ gốc là 240.000.000đ.

3. Về án phí KDTMST: Công ty Cổ phần V phải chịu 9.591.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần P 10.636.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004821 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/4/2022, Công ty Công ty Cổ phần V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần V là không có cơ sở để xem xét. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P, buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho Công ty Cổ phần P số tiền lãi 191.822.400 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Ngày 08/5/2014, Nhà máy Super P – thuộc Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần V đã ký kết hợp đồng mua bán phân bón số 81-3/HĐMB. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0004338 ngày 29/5/2014 do Công ty Cổ phần P giao nộp cho Tòa án thì hai bên mua bán với tổng giá trị 5.569.500.000 đồng. Còn theo Công ty Cổ phần V thì từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2014, Công ty Cổ phần V đã ký hợp đồng tiêu thụ phân bón với Nhà máy super P với số lượng 6.000 tấn phân bón, tổng giá trị là 14.637.000.000 đồng.

Mặc dù tổng số tiền mua bán hai bên trình bày khác nhau nhưng các bên đều thừa nhận, sau khi giao nhận hàng, Công ty Cổ phần V đã không thanh toán được đầy đủ tiền hàng. Theo các Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên cũng đã thể hiện đến ngày 31/12/2020 thì Công ty Cổ phần V còn nợ Công ty Cổ phần P số tiền là 240.000.000 đồng. Đến ngày 21/12/2021, Công ty Cổ phần V mới thanh toán số tiền còn lại 240.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần P.

Tại Điều III của Hợp đồng mua bán phân bón số 81-3/HĐMB ngày 08/5/2014 quy định về thời hạn thanh toán: “Thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi tàu cập cảng N để bốc dỡ hàng. Nếu quá hạn trên, bên B không thanh toán được mà không phải lý do bất khả kháng thì tùy theo mức độ, bên A sẽ áp dụng hình thức phạt lãi suất theo quy định của Công ty Cổ phần P”. Ngày 10/6/2014, Công ty Cổ phần V xác nhận đã nhận hàng theo hóa đơn số 0004338 ngày 29/5/2014 với số lượng 2.370 tấn lân 16% P₂O₅ (BL 228). Như vậy, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 25/6/2014, Công ty Cổ phần V đã vi phạm hợp đồng, chậm thanh toán số tiền 240.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần P kể từ ngày 26/6/2014 cho đến ngày 21/12/2021.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán quy định: *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

Do đó, việc Công ty Cổ phần P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần V phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền hàng 240.000.000 đồng kể từ ngày 13/7/2014 cho đến ngày 28/02/2021 là có căn cứ để chấp nhận.

Theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cần căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

Theo xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai thì mức lãi suất tại thời điểm xét xử sơ thẩm là từ 7,5% đến 9,5%/năm (vay ngắn hạn từ 01 năm trở xuống), từ 9% đến 11,5%/năm (thời hạn vay từ 1 đến 5 năm), từ 9,5 đến 12%/năm (vay từ trên 05 năm), mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay. Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai tại thời điểm xét xử sơ thẩm như sau:

$$[(7,5\% + 9,5\%)/2 + (9\% + 11,5\%)/2 + (9\% + 12\%)/2]/3 \times 150\% = 14,75\%/năm.$$

Theo xác minh tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Phòng giao dịch Long Thành thì mức lãi suất tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 9,5% áp dụng cho vay ngắn hạn, 10,5% áp dụng cho vay trung hạn, mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay. Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm như sau:

$$[(9,5\% + 10,5\%)/2] \times 150\% = 15\%/năm.$$

Theo xác minh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa, Phòng giao dịch Long Thành thì mức lãi suất trung bình tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 7,5% áp dụng cho vay kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9,7% áp dụng cho vay kỳ hạn trên 12 tháng, mức lãi suất quá hạn bằng 130% của lãi suất vay. Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm như sau:

$$[(7,5\% + 9,7\%)/2] \times 150\% = 12,9\%/năm.$$

Do đó, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm sẽ là:

$$(14,75\% + 15\% + 12,9\%)/3 = 14,22\%/năm.$$

Lãi suất chậm trả của số tiền 240.000.000 đồng kể từ ngày 13/7/2014 đến ngày 28/02/2021 được tính là:

$$240.000.000đ \times 14,22\%/năm \times 2.422 \text{ ngày} = 226.460.317 \text{ đồng.}$$

Như vậy, việc nguyên đơn Công ty Cổ phần P yêu cầu Công ty Cổ phần V thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 240.000.000 đồng theo mức lãi suất 12% kể từ ngày 13/7/2014 đến ngày 28/02/2021 số tiền 191.822.400 đồng, thấp hơn so với số tiền lãi theo tính toán ở trên (226.460.317 đồng) là có lợi cho phía bị đơn Công ty Cổ phần V. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P, buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho Công ty Cổ phần P số tiền lãi 191.822.400 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2.3] Về án phí sơ thẩm: Do phần yêu cầu về số tiền lãi 191.822.400 đồng của nguyên đơn được chấp nhận nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Công ty Cổ phần V phải chịu 9.591.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng.

[2.4] Do vậy, yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần V là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V thanh toán số tiền nợ 240.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P:

Buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho Công ty Cổ phần P số tiền lãi là 191.822.400 đồng (Một trăm chín mươi một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

3. Về án phí: Công ty Cổ phần V phải chịu 9.591.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Công ty Cổ phần V đã nộp theo biên lai số 0005674 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Công ty Cổ phần V còn phải nộp tiếp 9.591.000 đồng (Chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần P số tiền 10.636.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004821 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhu